

DIỄN ĐÀN NGÔN NGỮ HỌC

SUY NGHĨ VỀ THỰC TRẠNG TIẾNG VIỆT
CỦA SINH VIÊN TRUYỀN THÔNG

HỒ XUÂN MAI*

TÓM TẮT: Đề kiểm tra 85 sinh viên năm 4, ngành Truyền thông đa phương tiện của một trường đại học tư thục trên địa bàn TPHCM có hai yêu cầu: 1) Xác định có bao nhiêu trong *19 tin vắn* cho sẵn không đúng với tiếng Việt (đúng ngôn ngữ và phù hợp với văn hóa). Kết quả: 68,2% trả lời sai; 27% sinh viên trả lời đúng; số còn lại không trả lời; 2) Cho sẵn dữ liệu về 10 lĩnh vực, yêu cầu viết thành 10 *tin vắn* (viết sáng tạo). Có 66 sinh viên tự viết (77,7%), trong đó chỉ 11 sinh viên viết đúng tiếng Việt, văn hóa Việt Nam và đặc điểm của thể loại; 33 sinh viên viết được từ 5 mẫu tin trở lên, nhưng chỉ 18 sinh viết đúng tiếng Việt và đặc điểm của thể loại; 18 sinh viên nhờ AI viết dùm.

Kết quả trên nói lên thực trạng gì?

TỪ KHÓA: Sinh viên; truyền thông; tiếng Việt AI; tự viết; văn hóa Việt Nam.

NHẬN BÀI: 11/02/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/06/2026

1. Dẫn nhập**1.1. Đối tượng khảo sát**

Đầu học kỳ 2, năm học 2025-2026, chúng tôi được một trường đại học tư thục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) mời dạy môn Ngôn ngữ Báo chí cho 2 lớp năm 4, ngành Truyền thông đa phương tiện; lớp Viết và Biên tập tin. Tổng cộng có 85 sinh viên. Đối tượng này đã tích lũy đủ kiến thức chuyên ngành (học kỳ 2) và đã được rèn luyện rất nhiều qua bài tập, thực tập. Do vậy, khả năng phát hiện câu đúng/ sai đối với họ không quá khó khăn.

Để kết quả có tính khách quan, chúng tôi khảo sát đối chứng 05 sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và 05 sinh viên ngành Văn học; cũng đều năm 4 và cùng một trường. Tại sao chọn sinh viên của hai ngành này?

Một, sinh viên hai ngành này chịu ảnh hưởng rất lớn về mặt ngôn ngữ của chuyên ngành mình đang học. Do đó, khả năng phát hiện và khắc phục những chỗ sai đối với những mẫu tin cho sẵn của những đối tượng này, nếu có, sẽ giúp chúng ta đánh giá năng lực tiếng Việt của sinh viên chuyên ngành Truyền thông.

Hai, mức độ sai và đúng giống nhau của sinh viên hai ngành học này, kết hợp với kết quả của 85 sinh viên ngành Truyền thông, sẽ giúp chúng ta đánh giá thực trạng tiếng Việt hiện nay, đặc biệt là ngôn ngữ truyền thông. Như vậy, phạm vi khảo sát của nhóm đối chứng chỉ dừng lại ở mức độ phát hiện đúng/ sai đối với các mẫu tin. Tại sao chỉ chọn 05 sinh viên/ chuyên ngành? Đây là nhóm đối chứng. Tỷ lệ đúng/ sai của mỗi nhóm cũng có thể đánh giá được thực trạng của tiếng Việt.

1.2. Nội dung khảo sát

Môn Ngôn ngữ Báo chí có 3 tín chỉ, 45 tiết; 9 buổi. Theo quy định, chúng tôi cho sinh viên kiểm tra trong lớp để lấy điểm quá trình. Thời gian kiểm tra do giảng viên quy định nhưng để sinh viên có được lượng kiến thức môn học tương đối nhiều và được rèn luyện nhiều, chúng tôi chọn tuần 8. Cơ cấu câu hỏi gồm hai phần, một là 20 tin vắn cho sẵn và hai là cho dữ liệu về 10 lĩnh vực, sinh viên viết thành 10 tin vắn.

Ở nhóm mẫu tin cho sẵn, đề yêu cầu sinh viên xác định câu nào đúng, cả ngôn ngữ lẫn văn hóa và thể loại tin vắn. Để đảm bảo tính khách quan, trong những tin này có 10 mẫu được lấy từ bản tin thời sự của hai đài truyền hình lớn, một của cả nước và một ở TPHCM¹; 10 mẫu còn lại được tạo bởi trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence- AI).

Ở nhóm cho sẵn dữ liệu, sinh viên tự viết nhưng phải đúng thể loại tin vắn, đúng tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.

¹ Vì chỗ tế nhị, chúng tôi xin không nêu tên.

*TS; Trường Đại học Văn Hiến; Email: xuanmainam@yahoo.com

Thời gian kiểm tra là 90 phút.

Tại sao không yêu cầu viết những thể loại tin khác mà phải là tin vắn? *Một*, tin vắn được xem là thể loại cốt lõi của các thể loại tin và có cấu tạo lần cấu trúc ngắn nhất. Nó chỉ cung cấp thông tin, không có thái độ của người viết. *Hai*, về cấu tạo, tin vắn tồn tại dưới dạng một câu đơn hoặc một ngữ, để cho sinh viên phát hiện chỗ sai và tái tạo hoặc/ và sáng tạo nó.

2. Phương pháp và tiêu chí khảo sát

2.1. Phương pháp khảo sát

Chúng tôi phân bố xen kẽ 10 tin vắn lấy từ đài truyền hình và 10 tin vắn do AI viết. Sinh viên ghi “Đ” nếu mẫu tin đúng và “S” nếu mẫu tin sai. Nếu trả lời là “S”, sinh viên phải giải thích vì sao và khắc phục tin đó.

Đối với phần tự viết, sinh viên được tự do chọn phương pháp, hình thức viết và tối đa là 15 chữ/1 tin. Nhóm đối chứng không thực hiện yêu cầu này.

Ở cả hai yêu cầu, chúng tôi tính tổng số câu đúng/ số câu yêu cầu mà không quy định bắt buộc phải trả lời bao nhiêu câu. Sinh viên được tự do viết, không có sự giám sát của giảng viên.

2.2. Tiêu chí khảo sát

Một câu, ngữ được xem là đúng khi nó đúng cả ngôn ngữ/ tiếng Việt lẫn phù hợp với văn hóa Việt Nam như đã nói ở trên.

Nhưng “đúng” hay “sai” tùy vào căn cứ đánh giá². Cho nên, nếu không có tiêu chí chung, chúng ta sẽ không có cơ sở để kết luận. Vì vậy, chúng tôi đưa ra giới hạn cụ thể. Về ngôn ngữ, bài viết này chỉ xem xét đúng/ sai về sử dụng từ và ngữ pháp. Về văn hóa, chúng tôi xem từ ngữ và cách diễn đạt phù hợp với văn hóa Việt Nam hay không. Ví dụ, câu sau đây sai tiếng Việt *Bọn cướp có vũ khí nguy hiểm đã bắt bởi Công an Đồng Nai*. Một. Có loại vũ khí nào không nguy hiểm? Vậy, câu trên dư ngữ *có vũ khí nguy hiểm*. Hai. Cách nói *This table was made by him* phù hợp với tư duy của người Anh/ Mỹ nhưng không phù hợp với người Việt, bởi người Việt thì nói *Ông ấy đóng cái bàn này*, chứ không thể *Cái bàn được đóng bởi ông ấy*. Người Việt nói *Công an Đồng Nai (đã) bắt được bọn cướp có vũ khí* mà không cần có “bởi”³. Trạng ngữ trong tiếng Việt có thể xuất hiện ở ba vị trí nhưng không phải trong mọi trường hợp. Một mẫu tin *Thời gian tới, Thủ tướng yêu cầu (A) phải tăng tốc để công trình về đích trước thời hạn* thoạt nghe là đúng nhưng thực ra ở đó chỉ có tinh thần, quyết tâm còn cấu trúc tiếng Việt bị tổn thương. “Thời gian tới” là yếu tố chưa xuất hiện, tức tương lai. Một người bình thường không thể xuất hiện trong cái chưa có đó. Vậy, làm sao có “*Thủ tướng yêu cầu*”? Ở câu trên, người thực hiện (*tăng tốc*) là A, còn thời gian thực hiện là “*thời gian tới*”. Vậy, câu trên chỉ đúng khi và chỉ khi a-*Thủ tướng yêu cầu, thời gian tới, (A) phải tăng tốc để công trình về đích trước thời hạn*; b-*Thủ tướng yêu cầu, (A) phải tăng tốc (trong) thời gian tới để công trình về đích trước thời hạn*. Nhưng đây là mẫu tin vắn, cho nên, khi viết phải đáp ứng đặc điểm của ngôn ngữ tin, trong đó có yêu cầu phải tiết kiệm số từ/ chữ. Vậy, (a) mới là câu đúng. “Tàng trữ” là một động từ ghép với nghĩa *chứa, cất giấu* một số lượng (rất) lớn những sản phẩm/ vật mà pháp luật cấm; “trái phép” là làm sai so với giấy phép. Vậy, một tin *Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, X bị công an địa phương A bắt/ Công an địa phương A bắt X. vì (X/ đối tượng này) tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng* không có giá trị gì về mặt thông tin và nguy hiểm hơn là nó đã làm tổn thương văn hóa dân tộc. Ai “cho phép tàng trữ” mà có “trái phép”? Những chỗ sai trên chính là *cái sai về văn hóa Việt Nam*. Tiêu chí thứ ba là thể loại: sinh viên phải viết đúng thể loại tin vắn thì mới được tính là đúng.

Bài viết không tính các lỗi chính tả.

Một mẫu tin có thể chỉ có một lỗi về ngôn ngữ hoặc một lỗi về văn hóa, hoặc cả hai. Nếu mẫu tin có cả hai lỗi nhưng sinh viên chỉ phát hiện được một thì kết quả vẫn được xem là sai. Nếu sinh viên phát hiện được cả hai nhưng không khắc phục hoặc chỉ khắc phục được một thì kết quả đó vẫn không được tính.

3. Cơ sở khoa học và cơ sở lý luận

3.1. Cơ sở khoa học

² Về vấn đề này, xin xem: Trần Ngọc Thêm, “Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt”, NXB Giáo dục, năm 2006.

³ Xem thêm: Hoàng Tuệ, “Cuộc sống ở trong ngôn ngữ”, NXB Trẻ, 2014, trang 111.

Để đánh giá về năng lực ngôn ngữ, chúng tôi dựa vào “Ngữ pháp Tiếng Việt” (Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam; 1983); “Phong cách học và Đặc điểm tu từ tiếng Việt” (Cù Đình Tú); “Các bình diện của từ và Từ tiếng Việt” (Đỗ Hữu Châu); “Từ điển Tiếng Việt” (Viện Ngôn ngữ học). Để khảo sát nghĩa của từ và cách sử dụng từ trong lĩnh vực báo chí, đặc biệt là viết tin, chúng tôi dựa vào “Ngôn ngữ báo chí” (Vũ Quang Hào); “Một số vấn đề về sử dụng ngôn từ trên báo chí” (Hoàng Anh). Theo chúng tôi, đây là những tài liệu có giá trị khoa học và tin tưởng.

3.2. Cơ sở lý luận

3.2.1. Ngôn ngữ báo chí-truyền thông nói chung, là ngôn ngữ toàn dân. Nó có tất cả các đặc điểm của ngôn ngữ toàn dân về từ vựng-ngữ nghĩa; ngữ pháp-ngữ nghĩa; ngữ âm-ngữ nghĩa cũng như cách diễn đạt nhưng lại có những đặc điểm riêng của nó. a-Về từ ngữ, từ ngữ trong báo chí-truyền thông có độ nén thông tin cao; có tính khái quát, ước lượng và gợi mở; phải chính xác, rõ ràng; chứa sự kiện; khách quan; có tính định lượng; luôn luôn mới; thường đơn nghĩa; có tính quy ước; sử dụng từ ngữ nước ngoài. b-Báo chí-truyền thông có tất cả các loại và kiểu câu nhưng lại rất riêng, bởi *lượng tin là cốt lõi của nó*. Cho nên, câu trong ngôn ngữ báo chí-truyền thông có thể không có đủ các thành phần, cấu trúc nhưng vẫn đúng, vẫn tồn tại bởi công chúng chấp nhận nó. Ngôn ngữ báo chí-truyền thông có sự đan xen giữa các giọng điệu, tạo thành sự phức tạp của ngôn ngữ báo chí-truyền thông. Nói cách khác, *ngôn ngữ của báo chí-truyền thông* là ngôn ngữ của lượng tin. Tuy nhiên, không phải ngôn ngữ báo chí-truyền thông không có chuẩn mực như trong (2.2.).

3.2.2. Ngôn ngữ là “linh hồn” (chữ của Humboldt) của một dân tộc. Nó là yếu tố văn hóa đầu tiên và cuối cùng của dân tộc tạo ra nó. Cho nên, bảo vệ ngôn ngữ của một dân tộc cũng chính là bảo vệ văn hóa của dân tộc đó. Vậy, bảo vệ tiếng Việt chính là bảo vệ văn hóa Việt Nam.

3.2.3. Đầu học kỳ 2 của năm 4 bậc đại học thì một sinh viên gần như đã hoàn thành hơn 2/3 các môn chuyên ngành. Để đủ điều kiện học ở giai đoạn này, các đối tượng đã phải học rất nhiều môn và như vậy, việc sử dụng tiếng Việt hiển nhiên được xem là hoàn chỉnh và từ trung bình trở lên.

3.2.4. Vì là chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện nên tổng số tiết chuyên ngành (ít nhất) phải là 1200 tiết và đã ít nhất có một lần thực tập (cơ sở), hoặc đã thực tập hai lần (cơ sở và tốt nghiệp). Vậy, về chuyên môn, một sinh viên năm 4 ngành này đã rất thành thạo trong việc viết và biên tập tin. Một sinh viên không đáp ứng được những yêu cầu này thì được xem là *chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp*. Còn nếu hơn ¼ tổng số sinh viên của một đơn vị khảo sát không đáp ứng được những yêu cầu này thì phải trả lời câu hỏi *Tại sao có thực trạng như vậy?*

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh thì thời gian học và tiếng Việt văn bản ít hơn nhưng không thể không biết được những đặc điểm cơ bản của tiếng mẹ đẻ. Sinh viên ngành Văn học có ưu thế tuyệt đối trong việc sử dụng tiếng mẹ đẻ nhưng nghiêng về nghệ thuật. Cho nên, kết quả khảo sát từ hai đối tượng này sẽ làm cơ sở đối chứng tốt nhất để trả lời câu hỏi về thực trạng tiếng Việt truyền thông hiện nay và năng lực tiếng Việt của sinh viên ngành này; xem nó có chịu sự tác động của ngôn ngữ mạng, đặc biệt là ngôn ngữ AI hay không.

4. Câu hỏi kiểm tra và kết quả

4.1. Phân biệt đúng-sai

Câu hỏi: Hãy viết “Đ” cho những mẫu tin đúng và “S” cho những mẫu tin sai. Hãy giải thích vì sao sai. Theo anh/chị, trong 20 mẫu tin dưới đây, mẫu tin nào do AI viết? Căn cứ vào đâu để biết?

1. Bắt nhóm cướp giết đồ của du khách nước ngoài/ Bắt nhóm giết đồ của du khách nước ngoài;
2. Bắt 3 đối tượng thường xuyên đưa người vượt biên trái phép, hưởng lợi bất chính hàng trăm triệu đồng/ Bắt ba đối tượng đưa người vượt biên;
3. Các trường đã bắt đầu kích hoạt ôn thi tốt nghiệp/ Các trường đã có kế hoạch ôn thi tốt nghiệp;
4. Sau lễ đón, 2 nhà lãnh đạo đã tiến hành hội đàm/ Sau lễ đón, hai nhà lãnh đạo đã tiến hành hội đàm;
5. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số dân đông nhất cả nước/ Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số dân đông nhất nước;
6. Nhóm cướp X tàng trữ trái phép nhiều vũ khí quân dụng/ Nhóm cướp X tàng trữ nhiều loại vũ khí quân dụng;

7. Nắng nóng lên tới 45⁰ khiến hàng trăm người ở Ấn Độ phải nhập viện/ Ấn Độ: nắng nóng lên tới 45⁰ khiến hàng trăm người phải nhập viện;

8. Thất nghiệp ở quốc gia Nam Mỹ này đã đạt con số 22%/ Thất nghiệp ở quốc gia Nam Mỹ này đã lên tới 22%;

9. Giá caphe nhân Việt Nam “tăng” cao ở thị trường châu Âu/ Giá caphe nhân Việt Nam tăng cao ở thị trường châu Âu;

10. Cà phê Việt Nam được “ra chuộng” ở châu Âu/ Cà phê Việt Nam được ra chuộng ở châu Âu⁴;

11. Thành phố Đà Nẵng lọt top thân thiện nhất thế giới;

12. Sạt lở ở Kontum rất nghiêm trọng

13. Arập Xêút giàu bởi có nhiều dầu mỏ ở đây;

14. Vùng Sừng châu Phi có lượng mưa phổ biến từ 20-40ml/ 1 năm;

15. Vùng biển ngoài khơi Cà Mau trồng được nhiều loại cây mắm, đước, giúp bảo vệ sự sạt lở hàng năm;

16. Tây Bắc Việt Nam nổi tiếng với nhiều loại cây thuốc của người dân tộc;

17. Cạn trơ đáy sông Hồng cứ vào mùa hạn;

18. Lâm Đồng là miền đất hứa của du lịch;

19. Nghề dệt thủ công ở khu vực chợ Tân Bình, TPHCM gần như bị bỏ quên;

20. Thủy sản, hải sản xuất khẩu tăng nhanh tốc độ, thu về nhiều tỷ đô la.

Trong 20 mẫu tin trên, từ câu 11 đến câu 20 là chúng tôi cung cấp dữ liệu để AI viết.

Kết quả và nhận xét bước đầu

Với 20 mẫu tin cho sẵn:

- Nhóm khảo sát chính: Có 58 sinh viên (68,2%) xác định sai và viết lại cũng sai (100%); 23 sinh viên (27%) xác định đúng nhưng chỉ 6 sinh viên viết lại đúng (26%); 4 sinh viên nộp giấy trắng.

Nếu tính chung, chúng ta thấy có khoảng 75% sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện hiểu và viết sai ngôn ngữ truyền thông. Một điều khá thú vị và rất bất ngờ là tất cả những mẫu tin sai được phát hiện, xác định đều rơi vào một trong mười mẫu tin chúng tôi trích từ các đài truyền hình. Vậy, ngôn ngữ của truyền thông thực sự đã có vấn đề. Tất cả 23 sinh viên xác định đúng đều như vậy và đều *thấy nó kỳ kỳ nhưng không biết sai chỗ nào*. Ở câu hỏi phụ, không một sinh viên nào (100%) nhận diện được mẫu tin do AI viết. Điều này cũng có nghĩa là sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện không phân biệt được sự khác biệt giữa ngôn ngữ truyền thông với ngôn ngữ của AI. (1)

- Nhóm đối chứng:

+ 5/5 sinh viên (100%) sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh xác định được mẫu tin nào sai nhưng không khắc phục được; đồng thời, tất cả đều không xác định được mẫu tin nào do AI viết. Tại sao có kết quả này? Câu trả lời có cơ sở khoa học và có tính thuyết phục nhất là vì sinh viên ngành này nhận thấy *nó giống với tiếng Anh*, tức ngôn ngữ họ đang học. Và như vậy, chỉ cần đối lập giữa hai ngôn ngữ, chúng ta có kết quả. Còn vì sao những đối tượng này không khắc phục được là vì đây không phải là chuyên môn của họ. Tại sao họ phát hiện được những câu do AI viết, thì câu trả lời cũng chính từ việc phân lập như trên: 95% những mẫu tin trên giống đặc điểm diễn đạt của ngôn ngữ mà họ đang học. (2)

+ 5/5/ sinh viên ngành Văn học (100%) không phát hiện được mẫu tin sai tiếng Việt, *bởi nó giống với những gì thường nghe, đọc từ các trang mạng*. Cũng như hai đối tượng trước, không một sinh viên nào của ngành này phát hiện được những câu do AI tạo ra. Phải chăng, những đối tượng này thường sử dụng ngôn ngữ AI, hoặc thường tiếp xúc với ngôn ngữ mạng; hoặc cả hai? (3)

Từ (1), (2) và (3), chúng ta có kết luận bước đầu:

Một, sinh viên chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng phát hiện những mẫu tin sai nhiều hơn so với sinh viên nhóm đối chứng. Tuy nhiên, nếu xét ở góc độ chuyên môn, đặc biệt là tỷ lệ số sinh viên nhóm khảo sát chính/số sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và Văn học, thì kết quả trên là đáng lo.

⁴ Về thứ hai trong mỗi cặp là tin đúng.

Đồng thời, chỉ 6/23 sinh viên nhóm này xác định đúng những mẫu tin sai khắc phục được lỗi sai thì càng đáng báo động hơn.

Hai, có lẽ phần lớn các thao tác của sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện liên quan tới các kênh truyền thông mạng nên khả năng chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ mạng rất lớn.

Ba, cả ba đối tượng đều không phát hiện được mẫu tin nào do AI tạo, thì *tính phổ biến và áp lực từ ngôn ngữ AI nói riêng, ngôn ngữ mạng nói chung, đang là một mối đe dọa đối với tiếng mẹ đẻ của chúng ta*.

Bốn, ở câu hỏi phụ, chúng tôi nhận thấy không một sinh viên nào giải thích được vì sao biết mẫu tin sai. Như vậy, việc phát hiện, xác định và khắc phục của sinh viên là do cảm tính, tức nhờ vào sự may rủi.

4.2. Yêu cầu tự viết

Chúng tôi cho sẵn các nhóm dữ liệu, cụ thể: *Khủng bố; hàng hải; giao thông; địa-chính trị; địa-kinh tế; lợi ích nhóm; tổ chức phi chính phủ; thương mại; thuế quan; trừng phạt; du học sinh; cấm vận; vũ khí; áp giá; tội phạm; tăng trưởng; xăng dầu; bất ổn; liên minh*.

Sinh viên sử dụng những dữ liệu trên viết tự viết thành 10 mẫu tin văn. Chỉ những sinh viên của nhóm khảo sát chính thực hiện yêu cầu này.

Kết quả và nhận xét bước đầu:

- Có 66 sinh viên viết tin (77,7%), trong đó có 17 sinh viên (25,7%) viết đủ 10 tin văn nhưng chỉ 11 sinh viên (64,9%) viết đúng tiếng Việt và đặc điểm của thể loại; 33 sinh viên viết được từ 5 mẫu tin trở lên, trong đó 18 sinh (54,5%) viết đúng tiếng Việt và đặc điểm của thể loại; số còn lại viết dưới 5 mẫu tin và không đúng với tiếng Việt cũng như đặc điểm thể loại. (4)

- 19 sinh viên nhờ AI viết (22,3%). Trong tổng số 190 mẫu tin thu được, có 55 tin viết đúng cả ngôn ngữ lẫn văn hóa Việt Nam và phù hợp với đặc điểm thể loại (28,9%). (5)

Kết quả và nhận xét bước đầu:

Một, chỉ 11/66 sinh viên tự viết đáp ứng được cả ba tiêu chí khảo sát. Nếu tính cả nhóm khảo sát thì chỉ 12,9% sinh viên chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện viết đúng tiếng Việt, văn hóa Việt Nam và đặc điểm thể loại.

Hai, nhiều sinh viên sử dụng công nghệ nhưng không phân biệt được sự khác biệt giữa ngôn ngữ truyền thông với ngôn ngữ mạng, đặc biệt là ngôn ngữ AI. Đây là nỗi lo đối với chúng ta.

5. Mấy suy nghĩ thay cho kết luận

5.1. Ngôn ngữ là sản phẩm đầu tiên và cuối cùng của văn hóa. Nó không tồn tại độc lập mà có quan hệ mật thiết với các yếu tố xã hội. Nếu nó có sự thay đổi nào đó về ngôn thì văn hóa sẽ theo đó mà thay đổi. Từ thế kỉ 18, nhà ngôn ngữ học, nhà triết học Phổ Friedrich Wilhelm Christian Karl Ferdinand Freiherr von Humboldt (thường gọi là Wilhelm von Humboldt-W. Humboldt) đã nói: “*Ngôn ngữ, bằng tất cả các thứ tinh vi nhất trong góc rẽ của mình, gắn chặt với linh hồn của nhân dân, và linh hồn này càng tác động một cách thích đáng đến ngôn ngữ thì sự phát triển của ngôn ngữ càng phong phú*”⁵.

⁵ Dẫn theo Nguyễn Kim Thân, “*Lược sử Ngôn ngữ học*”, NXB KHXH, HN, 1984, trang 417-418. Về vấn đề quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ, xem thêm:

1-Nhiều tác giả, “*Cơ sở triết học trong các khuynh hướng ngôn ngữ học*”, NXB Khoa học, Matxcova, 1977. Bản dịch tiếng Việt của Trúc Thanh có tên “*Những cơ sở triết học trong ngôn ngữ*”, NXB GD, 1984, trang 93.

2-Edward Sapir và Benjamin Lee Whorf, “*Linguistic Relativity*” (Sapir-Whorf hypothesis). Trong đó có đoạn: “*Language has a setting. The people that speak it belong to a race (or a numbers of races), that is, to a group which is set off by physical characteristics from other groups. Again, language does not exist from culture, that is, from the socially inherited assemblage of practices and beliefs that determines the texture of our live*” (trong “*Language: An Introduction...*”); trang 207

3-John Lyons, “*Linguistics semantics: An Introduction*”, Cambridge University Press, 1995, chương 9 và 10.

4-R.H. Robins, “*A Short History of Linguistics*” (*Lược sử Ngôn ngữ học*); bản dịch của Hoàng Văn Vân, NXB ĐHQGHN, 2012, trang 368.

5-Vilem Mathesius, “*Về sự cần thiết của tính chất ổn định của ngôn ngữ chuẩn hóa*” (1932) và Bohuslav Havrnek, “*Sử dụng và văn hóa ngôn ngữ chuẩn hóa*” (1932).

“*Linh hồn*” ở đây chính là văn hóa. Linh hồn của một ngôn ngữ chính là văn hóa qua ngôn ngữ đó. Một người sử dụng ngôn ngữ đúng khi người đó sử dụng đúng chuẩn ngôn ngữ và văn hóa của ngôn ngữ đó. Muốn vậy, chúng ta phải biết *văn hóa trong ngôn ngữ và thể hiện nó qua ngôn ngữ*. Nếu sinh viên chỉ có thể viết đúng nhưng không thật sự làm chủ tiếng Việt thì *văn hóa Việt Nam trong tiếng Việt đã bị tổn thương*.

5.2. Việc giáo dục văn hóa qua ngôn ngữ không khó, nhưng tại sao có thực trạng như trên? Tại sao sinh viên năm 4 không biết câu tiếng Việt sai chỗ nào, vì sao sai? Phải chăng từ lâu chúng ta chỉ *dạy chữ* mà không gắn liền với *nghĩa văn hóa* của nó?

5.3. Thực trạng như trên có nguyên nhân sâu xa-từ bậc phổ thông. Ở những năm này, vấn đề văn hóa trong ngôn ngữ gần như bị bỏ ngõ. Chúng ta chỉ dạy viết chữ và sử dụng chữ để viết những câu có nghĩa theo yêu cầu còn văn hóa qua cách diễn đạt thì chưa được chú ý. Nói cách khác, học sinh của chúng ta chỉ mới học phần “thân thể” còn “linh hồn” (chữ của Humboldt) của nó chưa được trang bị. Nếu không sớm trang bị “linh hồn” của tiếng Việt cho học sinh, thì tương lai của tiếng Việt và văn hóa Việt Nam là gì, chúng ta có thể xác định ngay từ bây giờ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Anh (2003), *Một số vấn đề về sử dụng ngôn từ trên báo chí*, Nxb Lao động, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1997), *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb ĐHQGHN.
3. Edward Sapir và Benjamin Lee Whorf (1956), “*Linguistic Relativity*” (Sapir-Whorf hypothesis).
4. Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Phạm Văn Đồng (1981), “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” (Bài nói tại cuộc họp mặt về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, in trong “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, tập 1), Nxb KHXH, HN.
6. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa-Dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)*, Nxb ĐHQG HN.
7. Hoàng Tuệ (2014), *Cuộc sống ở trong ngôn ngữ*, Nxb Trẻ.

Thinking about the real situation of Vietnamese language of communication students

Abstract: A test for 85 fourth-year Multimedia Communication students had two requirements: 1- Determine how many of the 20 given news item were incorrect (correct in Vietnamese language and cultural). And here are the results: 68.2% answered wrong and 27% correctly; other did not answer. 2- Write 10 news item (creative writing) from 10 fields given. 66 students answered (77.7%), but only 11 students were correctly; 33 students wrote 5 or more articles, but only 18 students wrote correctly in Vietnamese and genre characteristics; 18 students used AI to make their answers.

What do these results stated?

Key words: Students; communication; Vietnamese language by AI; self-writing; Vietnamese culture.

6-Wilton W. Blancké, “*General Principles of Language and experiences in language*” (*Quy luật chung của ngôn ngữ và sự trải nghiệm về nó*), D.C. Heath and Company-Boston.

7- Zvghinxep, “*Sơ yếu về ngôn ngữ học đại cương*”, NXB Matxcova, 1962.

8-Nguyễn Quang, “*Ngôn ngữ-Đất nước học*”, trong “*Ngôn ngữ học: Khuyñh hướng-Lĩnh vực-Khái niệm*”, tập 2, NXBKHXH, HN, 1986, trang 236.

9-Nguyễn Đức Tồn, “*Tìm hiểu đặc trưng văn hóa-Dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)*”, NXB ĐHQG HN, 2002.

10-Hồ Lê, “*Ngôn ngữ và chữ viết các dân tộc ở Việt Nam*”, trong “*Lịch sử Việt Nam*”, tập 1, NXB Trẻ, 2007.

11-Hoàng Văn Ma, “*Ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam- Một số vấn đề về quan hệ cội nguồn và loại hình học*”, NXBKHXH, 2002, trang 309.

12- Phạm Đức Dương, “*Bức tranh Ngôn ngữ-Văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông-Nam Á*”, NXB ĐHQG HN, 2007, trang 106.

13- Hữu Đạt, “*Đặc trưng ngôn ngữ văn hóa giao tiếp tiếng Việt*”, NXBGDVN, 2009, trang 32-34.